

## BÀI 15 (2 tiết). SINH QUYỀN

### I. MỤC TIÊU

#### 1. Kiến thức:

- Trình bày được khái niệm sinh quyền; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyền, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.
- Liên hệ được thực tế ở địa phương.

#### 2. Năng lực:

##### \* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

##### \* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
  - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Xác định và lí giải được sự phân bố của sinh quyền.
  - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố của sinh quyền, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí:
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Sử dụng mô hình, tranh ảnh...
  - + Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.
- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
  - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố của sinh quyền, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.
  - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân bố của sinh quyền, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của sinh vật.

#### 3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về tự nhiên của quê hương đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống. Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nhất là tài nguyên sinh vật.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlas, bản đồ, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ổn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

### 2. Kiểm tra bài cũ:

\* Câu hỏi: Nêu tác động của nhân tố địa hình đến quá trình hình thành đất?

**Gợi ý:**

#### 2. Các nhân tố hình thành đất

| Nhân tố  | Tác động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Địa hình | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tác động chủ yếu tới sự phân phối nhiệt độ, độ ẩm và tích tụ vật liệu.</li> <li>- Nước chảy theo độ dốc của địa hình làm xói mòn đất, rửa trôi các chất dinh dưỡng trong đất.</li> <li>- Ở vùng núi cao, nhiệt đới thấp nên quá trình phong hóa diễn ra chậm, vỏ phong hóa mỏng, sự hình thành đất yếu.</li> <li>- Ở những nơi bằng phẳng, quá trình bồi tụ chiếm ưu thế, tầng đất dày.</li> </ul> |

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

**a) Mục đích:** Rèn luyện kỹ năng so sánh, nhận xét và liên hệ thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở xứ lạnh, xứ nóng mà em biết? Theo em nếu đưa cây trồng, vật nuôi ở xứ nóng lên xứ lạnh trồng thì chúng có sinh trưởng và phát triển bình thường không?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu hình ảnh (video) về một số loại cây trồng, vật nuôi ở xứ lạnh và xứ nóng. Yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Sự sống trên Trái Đất hình thành đã làm thay đổi toàn bộ quá trình phát triển của các thành phần khác trên Trái Đất. Giới sinh vật trên Trái Đất rất đa dạng và phức tạp. Những nhân tố nào tác động đến sự phát triển và phân bố của sinh vật?*

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm sinh quyển

**a) Mục đích:** HS trình bày được khái niệm sinh quyển.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để tìm hiểu khái niệm sinh quyển.

\* Câu hỏi: Dựa vào thông tin trong mục 1, hãy cho biết sinh quyển là gì? Nêu phạm vi, giới hạn của sinh quyển?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 1. Khái niệm

- Là một trong những bộ phận cấu tạo nên lớp vỏ Trái Đất, nơi có sự sống tồn tại.
  - Giới hạn của sinh quyển phụ thuộc vào sự tồn tại của sự sống.
  - Ranh giới trên cao tiếp xúc với lớp ô-dôn của khí quyển, ranh giới thấp xuống tận đáy sâu của các hồ đại dương và dừng lại ở đáy lớp vỏ phong hóa trên đất liền.
- ⇒ Sinh quyển bao gồm: phần thấp của khí quyển (tầng đối lưu), toàn bộ thủy quyển và phần trên của thạch quyển.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm của sinh quyển

**a) Mục đích:** HS phân tích được đặc điểm của sinh quyển.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để tìm hiểu đặc điểm sinh quyển.

\* Câu hỏi: Nhóm 2, 4: Dựa vào thông tin trong mục 2, hãy:

+ Trình bày các đặc điểm của sinh quyển?

+ Lấy VD về mối quan hệ của sinh quyển với thủy quyển, khí quyển, đất?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 2. Đặc điểm của sinh quyển

- Khối lượng của sinh quyển nhỏ hơn nhiều so với khối lượng vật chất của các quyển còn lại trong vỏ Trái Đất.
- Sinh quyển có khả năng tích lũy năng lượng. Nhờ có khả năng quang hợp, cây xanh có thể tạo nên vật chất hữu cơ từ vật chất vô cơ. Sau đó các năng lượng này được chuyển cho các cơ thể khác trong quá trình dinh dưỡng,...
- Sinh quyển có mối quan hệ mật thiết và tác động qua lại với các quyển thành phần trên Trái Đất. Sinh quyển tác động đến sự thay đổi của các thành phần khí trong khí quyển, tham gia vào vòng tuần hoàn nước và quá trình trao đổi chất của sinh vật dưới nước, là một trong những nhân tố quan trọng trong quá trình hình thành đất.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### Hoạt động 2.3. Tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật

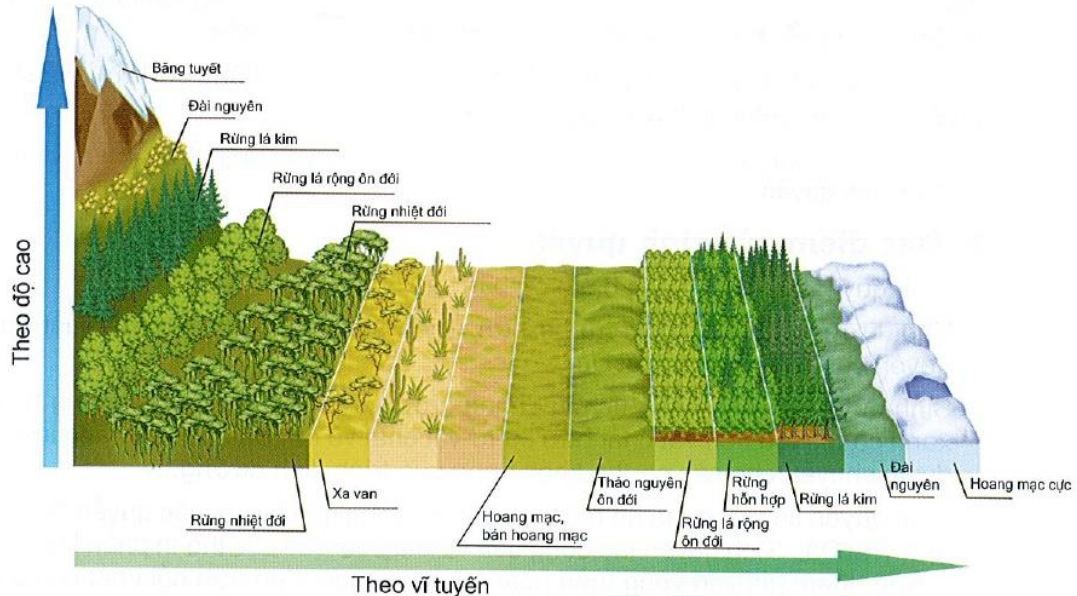
**a) Mục đích:** HS trình bày được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.

\* Câu hỏi: Dựa vào thông tin và hình 15 trong mục 3, hãy phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật?

### PHIẾU HỌC TẬP

| Nhóm | Nhân tố   | Ảnh hưởng |
|------|-----------|-----------|
| 1    | Khí hậu   |           |
| 2    | Nước      |           |
| 3    | Đất       |           |
| 4    | Địa hình  |           |
| 5    | Sinh vật  |           |
| 6    | Con người |           |



Hình 15. Các vành đai thực vật thay đổi theo vĩ độ (từ vùng nhiệt đới lên cực) và theo độ cao (ở vùng nhiệt đới)

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật

| Nhân tố | Ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khí hậu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhiệt độ: tác động đến các quá trình sinh trưởng, phát triển (nảy mầm, ra hoa, sinh sản,...) và quy định vùng phân bố của sinh vật.</li> <li>- Ánh sáng mặt trời: cung cấp năng lượng chính cho mọi sự sống trên Trái Đất, tác động đến quá trình quang hợp của cây xanh, đến khả năng định hướng và sinh sản của động vật.</li> </ul> <p><i>Em có biết: Đa số các sinh vật sống trong phạm vi nhiệt độ 0-40°C. Tuy nhiên, cũng có một số sinh vật sống được ở nhiệt độ rất cao (như vi khuẩn ở suối nước nóng chịu được nhiệt độ 70-90°C) hoặc nơi có nhiệt độ rất thấp (ấu trùng sâu ngô chịu được nhiệt độ -27°C).</i></p> |
| Nước    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Là nguyên liệu cho cây quang hợp.</li> <li>- Là phương tiện vận chuyển và trao đổi khoáng, chất hữu cơ trong cây, vận chuyển máu và chất dinh dưỡng ở động vật.</li> <li>- Những nơi có nguồn nước dồi dào, sinh vật rất phát triển.</li> <li>- Ở những vùng hoang mạc khô hạn, sinh vật có số lượng rất ít.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Đất     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấu trúc của đất, độ pH đất, độ phì có vai trò rất quan trọng đến sự phát triển và phân bố thực vật ⇒ tác động đến sự phân bố động vật.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|           | <i>Em có biết: Một số loài cây như đỗ quyên, phát triển rất tốt trên đất chua, nhưng nếu trồng trên đất kiềm sẽ nhanh chết. Hoa cẩm tú cầu ra hoa màu hồng nếu trồng trên đất chua và ra hoa màu xanh trên đất kiềm.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| Địa hình  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ cao của địa hình làm thay đổi lượng nhiệt, lượng nước và các chất dinh dưỡng trong đất mà cây nhận được.</li> <li>- Nhiệt và ẩm thay đổi theo độ cao làm cho phân bố thực vật cũng thay đổi theo và hình thành nên các vành đai tương ứng như sự thay đổi theo chiều vĩ độ.</li> <li>- Độ dốc và hướng sườn cũng tác động đến lượng nhiệt, ánh sáng và ẩm mà thực vật nhận được.</li> </ul>                                                                                                                                               |
| Sinh vật  | - Nhân tố quan trọng tác động đến sự phát triển và phân bố của động vật là nguồn thức ăn. $\Rightarrow$ Nơi nào có nguồn thức ăn phong phú thì nơi đó có sự tập trung của nhiều loài, tạo nên tính đa dạng sinh học trong tự nhiên.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| Con người | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động kinh tế cũng có ảnh hưởng rất lớn tới sự phân bố của sinh vật cả theo hướng tích cực (mở rộng phạm vi phân bố của nhiều loại cây trồng, vật nuôi,...) và tiêu cực (phá rừng, thu hẹp diện tích rừng tự nhiên,...)</li> </ul> <p><i>Em có biết: Cây ngô có nguồn gốc từ khu vực Trung Mỹ. Sau cuộc phát kiến ra châu Mỹ của Cô-lôm-bô, các quá trình di cư, giao lưu giữa người châu Âu và châu Mỹ đã phổ biến loại cây này đến châu Âu rồi ra khắp thế giới. Đến nay ngô là cây lương thực có sản lượng đứng đầu thế giới.</i></p> |

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Dựa vào hình 15, hãy nêu sự thay đổi thảm thực vật theo vĩ độ (từ vùng nhiệt đới cực) và theo độ cao (ở vùng nhiệt đới)?

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Sự thay đổi thảm thực vật theo vĩ độ: từ xích đạo về cực thảm thực vật thay đổi lần lượt là rừng nhiệt đới - xavan - hoang mạc, bán hoang mạc - thảo nguyên ôn đới - rừng lá rộng ôn đới - rừng hỗn hợp - rừng lá kim - đài nguyên - hoang mạc cực.

- Sự thay đổi thảm thực vật theo độ cao: càng lên cao lượng nhiệt ẩm và các chất dinh dưỡng càng thay đổi làm thảm thực vật thay đổi theo, từ thấp lên cao lần lượt là rừng nhiệt đới - rừng lá rộng ôn đới - rừng lá kim - đài nguyên - băng tuyết.

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

## HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Tìm hiểu và cho biết tại sao cây chè được trồng nhiều ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, còn cây cà phê được trồng nhiều ở vùng Tây Nguyên nước ta?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Học sinh có thể tìm hiểu thông tin qua sách, báo hoặc internet.

- **Cây chè** là cây trung tính trong giai đoạn cây con, lớn lên ưa sáng hoàn toàn. Dưới bóng râm, là chè xanh đậm, lông dài, búp non lâu, hàm lượng nước cao nhưng búp thưa, sản lượng thấp vì quang hợp yếu. Ánh sáng tán xạ ở vùng núi cao có tác dụng tốt đến phẩm chất chè hơn ánh sáng trực xạ  $\Rightarrow$  Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có điều kiện nhiệt ẩm và đất feralit rất thích hợp trồng cây chè.

- **Cây cà phê** có cành thon dài, lá cuống ngắn, xanh đậm, hình oval. Mặt trên lá có màu xanh thẫm, mặt dưới xanh nhạt hơn. Rễ cây cà phê là loại rễ cọc, cắm sâu vào lòng đất từ 1 đến 2,5 m với rất nhiều rễ phụ tỏa ra xung quanh làm nhiệm vụ hút chất dinh dưỡng nuôi cây  $\Rightarrow$  Vùng Tây Nguyên có đất badan màu mỡ, khí hậu cận xích đạo nóng ẩm quanh năm rất thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây cà phê.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### 4. Củng cố, dặn dò:

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

### 5. Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.

- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.

- Chuẩn bị bài mới: Bài 16. Thực hành: Tìm hiểu sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.

Nội dung:

(1). Sự phân bố đất trên Trái Đất.

(2). Sự phân bố thảm thực vật trên Trái Đất.

(3). Sự phân bố sinh vật theo độ cao.

Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển  
GV: Nguyễn Thị Linh  
Lớp dạy 10: 3,7,8,9  
Ngày soạn: 15/11/2025  
Thời gian thực hiện: tuần 15, 16

## **BÀI 16 (2 tiết). THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH BẢN ĐỒ, SƠ ĐỒ VỀ PHÂN BỐ CỦA ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN THẾ GIỚI**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên thế giới.

#### **2. Năng lực:**

##### **\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Tự khẳng định và bảo vệ quyền, nhu cầu chính đáng: biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

##### **\* Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*
  - + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:
    - > Sử dụng được bản đồ, sơ đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới.
    - > Xác định và lí giải được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.
  - + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí:
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Biết đọc và sử dụng bản đồ.
    - > Nhận xét và giải thích biểu đồ phân bố đất và sinh vật trên thế giới.
  - *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
    - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.
    - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân bố đất và sinh vật trên thế giới.

#### **3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về tự nhiên của quê hương đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự khác biệt về điều kiện sống. Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- **Trách nhiệm:** Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, nhất là tài nguyên đất và sinh vật.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, tranh ảnh.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ổn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

### 2. Kiểm tra bài cũ:

\* Câu hỏi: Trình bày ảnh hưởng của nhân tố khí hậu và nước đến sự phát triển, phân bố của sinh vật?

**Gợi ý:**

| Nhân tố | Ảnh hưởng                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Khí hậu | - Nhiệt độ: tác động đến các quá trình sinh trưởng, phát triển (nảy mầm, ra hoa, sinh sản,...) và quy định vùng phân bố của sinh vật.<br>- Ánh sáng mặt trời: cung cấp năng lượng chính cho mọi sự sống trên Trái Đất, tác động đến quá trình quang hợp của cây xanh, đến khả năng định hướng và sinh sản của động vật. |
| Nước    | - Là nguyên liệu cho cây quang hợp.<br>- Là phương tiện vận chuyển và trao đổi khoáng, chất hữu cơ trong cây, vận chuyển máu và chất dinh dưỡng ở động vật.<br>- Những nơi có nguồn nước dồi dào, sinh vật rất phát triển.<br>- Ở những vùng hoang mạc khô hạn, sinh vật có số lượng rất ít.                            |

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

**a) Mục đích:** HS xác định được yêu cầu, nhiệm vụ của bài thực hành.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Em hãy nêu yêu cầu của bài thực hành?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, xác định rõ yêu cầu của bài thực hành và trình chiếu lên màn hình.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 02 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Sự phân bố đất và thực vật trên Trái Đất

**a) Mục đích:** HS phân tích được bản đồ phân bố các nhóm đất và thực vật trên Trái Đất.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để xác định sự phân bố đất và thực vật trên Trái Đất.

\* Nhóm 1, 3: Dựa vào hình 16.1, hãy:

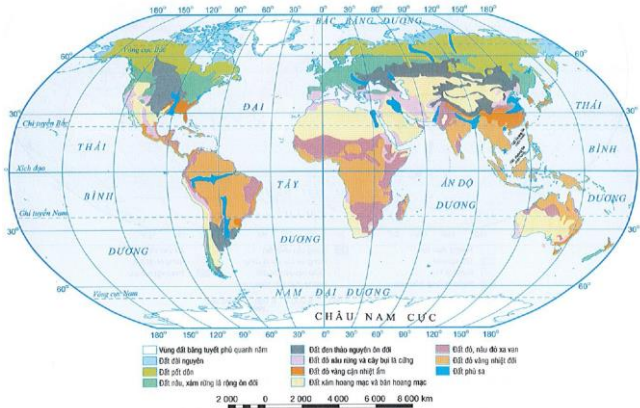
+ Kể tên các nhóm đất chính trên Trái Đất?

+ Xác định phạm vi phân bố của đất đài nguyên, đất pôl đôn, đất đen thảo nguyên ôn đới, đất đỏ vàng nhiệt đới, đất xám hoang mạc và bán hoang mạc?

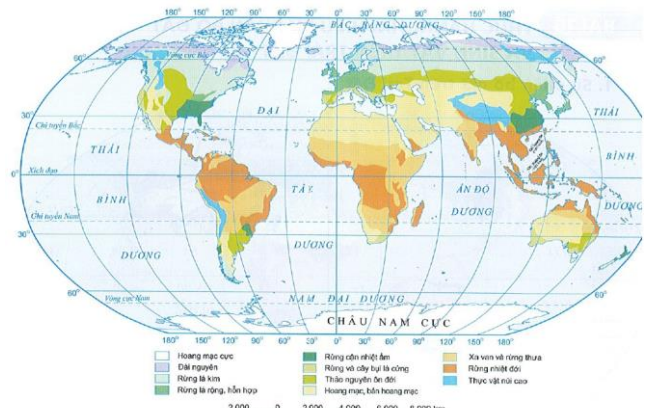
\* Nhóm 2, 4: Dựa vào hình 16.2, hãy:

+ Kể tên các thảm thực vật chính từ cực về Xích đạo?

+ Xác định phạm vi phân bố của các thảm thực vật rừng lá kim, thảo nguyên ôn đới, rừng nhiệt đới?



Hình 16.1. Bản đồ các nhóm đất chính trên Trái Đất



Hình 16.2. Bản đồ các kiểu thảm thực vật chính trên Trái Đất

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 1. Sự phân bố các đất trên Trái Đất

- Các nhóm đất chính trên Trái Đất:

- + Vùng đất băng tuyết phủ quanh năm.
- + Đất đài nguyên.
- + Đất pôl đôn.
- + Đất nâu, xám rừng lá rộng ôn đới.
- + Đất đen thảo nguyên ôn đới.
- + Đất đỏ nâu rừng và cây bụi lá cứng.
- + Đất đỏ vàng cận nhiệt ẩm.
- + Đất xám hoang mạc và bán hoang mạc.
- + Đất đỏ, nâu đỏ xa van.
- + Đất đỏ vàng nhiệt đới.
- + Đất phù sa.

- Phạm vi phân bố của một số loại đất

+ Đất đài nguyên: phía Bắc Ca-na-đa, Bắc Liên bang Nga, phía Bắc Âu.

+ Đất pôl đôn: Ca-na-đa, Liên bang Nga, Bắc Âu.

+ Đất đen thảo nguyên ôn đới: Trung tâm Hoa Kỳ, Đông Âu, phía Nam Liên bang Nga, phía Nam của Nam Mỹ.

+ Đất đỏ vàng nhiệt đới: Nam Mỹ, Trung và Nam Phi, Nam Á, Đông Nam Á, Tây Bắc Ô-xtrây-li-a.

+ Đất xám hoang mạc và bán hoang mạc: Tây Hoa Kỳ, phía Tây Nam của Nam Mỹ, Bắc Phi, Tây Á, Tây Nam Á, phía Tây Trung Quốc, phía Tây và Nam của Ô-xtrây-li-a,...

### 2. Sự phân bố thảm thực vật trên Trái Đất

- Các thảm thực vật chính từ cực về Xích đạo:

- + Hoang mạc cực.
- + Đài nguyên.
- + Rừng lá kim.
- + Rừng lá rộng, hỗn hợp.
- + Rừng cận nhiệt ẩm.
- + Rừng và cây bụi lá cứng.
- + Thảo nguyên ôn đới.

- + Hoang mạc và bán hoang mạc.
- + Thực vật núi cao.
- + Rừng nhiệt đới.
- + Xavan và rừng thưa.
- Phạm vi phân bố của các thảm thực vật
- + Rừng lá kim: Ca-na-đa, Liên bang Nga, Bắc Âu.
- + Thảo nguyên ôn đới: Trung tâm Hoa Kỳ, Đông Âu, phía Nam Liên bang Nga, phía Nam của Nam Mỹ.
- + Rừng nhiệt đới: Nam Mỹ, Trung và Nam Phi, Nam Á, Đông Nam Á, Tây Bắc Ô-xtrây-li-a,...

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

#### Hoạt động 2.2. Sự phân bố sinh vật và đất theo độ cao

a) **Mục đích:** HS phân tích được hình vẽ nhận xét và giải thích sự phân bố sinh vật theo độ cao.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để xác định sự phân bố sinh vật và đất theo độ cao.

\* Câu hỏi: Quan sát hình 16.3 và dựa vào kiến thức đã học, hãy cho biết ở sườn tây dãy Cáp-ca (từ chân núi lên đỉnh núi) có những vành đai thực vật và đất nào?

| Độ cao (m) | Vành đai thực vật | Đất |
|------------|-------------------|-----|
|            |                   |     |
|            |                   |     |
|            |                   |     |
|            |                   |     |
|            |                   |     |
|            |                   |     |



Hình 16.3. Sơ đồ các vành đai thực vật và đất ở sườn tây dãy Cáp-ca

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

#### 3. Sự phân bố sinh vật và đất theo độ cao

| Độ cao (m) | Đất        | Vành đai thực vật |
|------------|------------|-------------------|
| 0 → 500    | Đất đỏ nâu | Rừng lá cứng      |



\* Câu hỏi: Ở Việt Nam có những nhóm đất và kiểu thảm thực vật nào?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Nhóm đất: Đất feralit đỏ vàng, đất phù sa...
- Kiểu thảm thực vật: Rừng nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt ẩm, rừng và cây bụi lá cứng cận nhiệt.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

**4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

**5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 17. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

Nội dung:

- (1). Vỏ địa lí.
- (2). Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

## CHƯƠNG 7: MỘT SỐ QUY LUẬT CỦA VỎ ĐỊA LÍ

### BÀI 17 (1 tiết). VỎ ĐỊA LÍ. QUY LUẬT THỐNG NHẤT VÀ HOÀN CHỈNH CỦA VỎ ĐỊA LÍ

#### I. MỤC TIÊU

##### 1. Kiến thức:

- Trình bày khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.
- Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí; liên hệ được thực tế ở địa phương.
- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

##### 2. Năng lực:

###### \* Năng lực chung:

- *Năng lực tự chủ và tự học:*
  - + Giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.
  - + Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

###### \* Năng lực đặc thù:

- *Nhận thức khoa học địa lí:* Phát hiện và giải thích được các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.
- *Tìm hiểu địa lí:*
  - + Sử dụng các công cụ địa lí:
    - > Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...
    - > Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí...
  - *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*
    - + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.
    - + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến các biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.

##### 3. Phẩm chất:

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước.
- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự tồn tại và quy luật của các thành phần tự nhiên.
- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.
- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Hiểu và tôn trọng quy luật của tự nhiên.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ổn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

**2. Kiểm tra bài cũ:** Không kiểm tra.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

**a) Mục đích:** HS nhớ lại kiến thức về lớp vỏ địa lí đã được học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Lớp vỏ địa lí bao gồm các thành phần nào?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu video về cấu tạo của vỏ địa lí. Yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Đối tượng nghiên cứu của địa lí tự nhiên là vỏ địa lí. Vỏ địa lí là bộ phận phức tạp nhất của Trái Đất về thành phần vật chất và cấu trúc. Trong phạm vi giới hạn của vỏ địa lí, đã diễn ra rất nhiều quy luật của tất cả các thành phần địa lí. Đó là những quy luật gì? Các quy luật đó diễn ra và tác động lẫn nhau như thế nào?*

#### HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

##### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vỏ địa lí

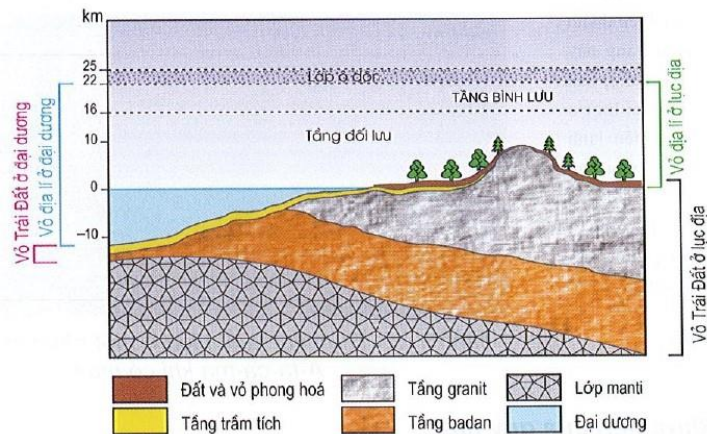
**a) Mục đích:** HS trình bày được khái niệm vỏ địa lí; phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo cặp để tìm hiểu về vỏ địa lí.

\* Câu hỏi: Dựa vào thông tin và hình 17.1 trong mục 1, hãy:

+ Cho biết vỏ địa lí bao gồm những bộ phận nào? Nêu giới hạn của vỏ địa lí?

+ Phân biệt vỏ địa lí và vỏ Trái Đất?



Hình 17.1. Sơ đồ lớp vỏ địa lí của Trái Đất

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

### 1. Vỏ địa lí

#### a) Khái niệm

- Là lớp vỏ của Trái Đất bao gồm các lớp vỏ thành phần (khí quyển, thạch quyển, thủy quyển và sinh quyển) xâm nhập và tác động lẫn nhau tạo nên thể tổng hợp tự nhiên thống nhất và hoàn chỉnh.

#### b) Giới hạn của vỏ địa lí

- Vỏ địa lí bao gồm toàn bộ thủy quyển, sinh quyển và bộ phận phía trên của thạch quyển cùng với phần khí quyển bên dưới lớp ô-dôn.  
- Chiều dày của vỏ địa lí khoảng 30-35 km.

*Em có biết:* Trong phạm vi giới hạn của vỏ địa lí diễn ra năm quy luật địa lí quan trọng nhất là: quy luật thống nhất và hoàn chỉnh, sự tuần hoàn vật chất và năng lượng, tính nhịp điệu, địa đới và phi địa đới.

### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS tìm hiểu SGK, kết hợp với hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi.

#### - Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

#### - Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí

**a) Mục đích:** HS trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

\* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin và hình 17.2 trong mục 2, hãy trình bày khái niệm, biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí?

\* Nhóm 2, 4: Đọc thông tin và hình 17.2 trong mục 2, hãy trình bày ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí?



Hình 17.2. Thực vật xuất hiện ở một phần hoang mạc A-ta-ca-ma khi có mưa

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

## **2. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí**

### **a) Khái niệm**

- Là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và mỗi bộ phận lãnh thổ trong vỏ địa lí.
- Nguyên nhân: do tất cả các thành phần của vỏ địa lí không tồn tại và phát triển độc lập mà luôn tác động, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau tạo nên thể thống nhất và hoàn chỉnh.

### **b) Biểu hiện của quy luật**

- Trong vỏ địa lí, bất cứ lãnh thổ nào cũng bao gồm nhiều thành phần tác động và phụ thuộc lẫn nhau. Nếu một thành phần thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi của các thành phần khác còn lại và toàn bộ lãnh thổ.

### **c) Ý nghĩa thực tiễn của quy luật**

- Do vỏ địa lí mang tính thống nhất và hoàn chỉnh nên chúng ta có thể dự báo trước về sự thay đổi của các thành phần tự nhiên khi sử dụng chúng.
- Cần phải nghiên cứu tỉ mỉ, chính xác tất cả các đặc điểm địa lí của mọi lãnh thổ trước khi sử dụng, khai thác dưới hình thức này hay hình thức khác.
- Do đó, để cải tạo tự nhiên hợp lí không thể không tính đến quy luật về tính hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

*Em có biết: A-ta-ca-ma là hoang mạc khô cằn nhất thế giới nằm dọc theo sườn tây của dãy An-đét do tác động của dòng biển lạnh Pê-ru. Vào mùa hạ của bán cầu Bắc, dòng biển này chảy lên tới Xích đạo. Vào mùa đông, dòng biển này yếu đi, dòng biển nóng từ Xích đạo tiến xuống phía nam. Cứ khoảng 8-12 năm một lần, dòng biển nóng tiến sâu tới 12°N-13°N. Lúc đó những trận mưa rào đổ xuống A-ta-ca-ma, một phần hoang mạc xuất hiện vô vàn thực vật và sâu bọ, lòng cạn biến thành dòng sông,... Tình trạng này kéo dài khoảng 4 tháng, sau đó dòng biển nóng lại lùi trở về phía bắc, dòng biển lạnh Pê-ru trở lại vị trí bình thường của nó. A-ta-ca-ma lại trở thành hoang mạc, thực vật bị cháy khô, các dòng nước cạn kiệt, sâu bọ biến mất,...*

## **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

### **- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

### **- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

### HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Lấy VD về biểu hiện của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- Ví dụ 1: Khí hậu (lượng mưa tăng) thì sông ngòi (lưu lượng nước, dòng chảy tăng) dẫn tới địa hình (mức độ xói mòn tăng) và thổ nhưỡng (lượng phù sa tăng).

- Ví dụ 2: Thực vật rừng bị phá hủy sẽ làm cho địa hình (xói mòn), khí hậu bị biến đổi và thổ nhưỡng (đất biến đổi).

- Ví dụ 3: Khí hậu từ khô hạn sang ẩm ướt dẫn đến sông ngòi (thay đổi chế độ dòng chảy) làm cho địa hình (xói mòn mạnh, phá hủy đá) và quá trình hình thành đất diễn ra nhanh hơn (thổ nhưỡng), thực vật phát triển mạnh (sinh quyển).

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Tìm hiểu sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng như thế nào đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

Sự nóng lên toàn cầu có ảnh hưởng lớn đến các thành phần tự nhiên khác trên Trái Đất

- *Thay đổi mực nước biển toàn cầu:* việc nóng lên toàn cầu khiến cho các lớp băng tan chảy, nước đổ dồn về đại dương làm ảnh hưởng đến nhiều vùng thấp, như vùng bờ biển Vịnh Hoa Kỳ và Bangladesh, các đảo...

- *Thay đổi mạnh mẽ các mô hình khí hậu*

+ Gây ra hạn hán ở một số vùng, trong khi lũ lụt ở các vùng khác.

+ Trái Đất càng nóng, nhiệt độ của nước biển càng tăng dẫn đến các thiên tai.

+ Các điều kiện thời tiết khắc nghiệt, các đợt nắng nóng và các đợt lạnh,...

- *Sự tuyệt chủng của các loài động, thực vật:* biến đổi khí hậu sẽ làm mất môi trường sống cho nhiều loài động vật như gấu Bắc cực và ếch nhiệt đới.

- *Ảnh hưởng nặng nề tới con người*

+ Sự nóng lên toàn cầu sẽ tác động đến việc cung cấp nước và thực phẩm cũng như các điều kiện y tế của chúng ta.

+ Thay đổi về lượng mưa sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu cơ bản như nông nghiệp, sản xuất điện,...

Tăng nhiệt độ của nước biển sẽ cản trở các hoạt động thủy sản.

+ Các bệnh truyền nhiễm sẽ tăng lên vì các côn trùng truyền bệnh sẽ thích nghi với ẩm ướt, điều kiện nóng.

+ Không khí bị ô nhiễm gây nhiều tác hại đến đời sống của con người, đặc biệt là trong sinh hoạt và ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

#### **4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới.

Nội dung:

- (1). Quy luật địa đới.
- (2). Quy luật phi địa đới.

## **BÀI 18 (2 tiết). QUY LUẬT ĐỊA ĐỚI VÀ QUY LUẬT PHI ĐỊA ĐỚI**

### **I. MỤC TIÊU**

#### **1. Kiến thức:**

- Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới; liên hệ được thực tế ở địa phương.

- Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.

#### **2. Năng lực:**

##### **\* Năng lực chung:**

- *Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Có khả năng và sẵn sàng giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập thông qua các hoạt động cá nhân/nhóm.

+ Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlas, bản đồ...

##### **\* Năng lực đặc thù:**

- *Nhận thức khoa học địa lí:*

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian:

> Xác định và lí giải được sự phân bố các đối tượng địa lí theo quy luật địa đới và phi địa đới.

+ Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự thay đổi có tính quy luật (địa đới và phi địa đới) của các thành phần tự nhiên trên Trái Đất.

- *Tìm hiểu địa lí:*

+ Sử dụng các công cụ địa lí

> Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlas...

> Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlas Địa lí Việt Nam.

> Sử dụng mô hình, tranh ảnh, video địa lí...

- *Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:*

+ Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về quy luật địa đới và phi địa đới.

+ Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kĩ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến quy luật địa đới và phi địa đới.

#### **3. Phẩm chất:**

- *Yêu nước:* Yêu đất nước, tự hào về vẻ đẹp tự nhiên của quê hương đất nước.

- *Nhân ái:* Có mối quan hệ hài hòa với người khác. Tôn trọng sự tồn tại và quy luật của các thành phần tự nhiên.

- *Chăm chỉ:* Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- *Trung thực* trong học tập và cuộc sống.

- *Trách nhiệm:* Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Hiểu và tôn trọng quy luật của tự nhiên.

## II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

**1. Thiết bị:** Máy tính, máy chiếu.

**2. Học liệu:** SGK, Atlat, bản đồ, tranh ảnh, video.

## III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

### 1. Ôn định:

| Ngày dạy | Lớp | Sĩ số | Ghi chú |
|----------|-----|-------|---------|
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |
|          |     |       |         |

### 2. Kiểm tra bài cũ:

\* Câu hỏi: Trình bày quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí?

**Gợi ý:**

- Khái niệm

+ Là quy luật về mối quan hệ quy định lẫn nhau giữa các thành phần và mỗi bộ phận lãnh thổ trong vỏ địa lí.

+ Nguyên nhân: do tất cả các thành phần của vỏ địa lí không tồn tại và phát triển độc lập mà luôn tác động, trao đổi vật chất và năng lượng với nhau tạo nên thể thống nhất và hoàn chỉnh.

- Biểu hiện của quy luật

+ Trong vỏ địa lí, bất cứ lãnh thổ nào cũng bao gồm nhiều thành phần tác động và phụ thuộc lẫn nhau. Nếu một thành phần thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi của các thành phần khác còn lại và toàn bộ lãnh thổ.

- Ý nghĩa thực tiễn của quy luật

+ Do vỏ địa lí mang tính thống nhất và hoàn chỉnh nên chúng ta có thể dự báo trước về sự thay đổi của các thành phần tự nhiên khi sử dụng chúng.

+ Cần phải nghiên cứu tỉ mỉ, chính xác tất cả các đặc điểm địa lí của mọi lãnh thổ trước khi sử dụng, khai thác dưới hình thức này hay hình thức khác.

+ Do đó, để cải tạo tự nhiên hợp lí không thể không tính đến quy luật về tính hoàn chỉnh của vỏ địa lí.

### 3. Hoạt động học tập:

#### HOẠT ĐỘNG 1: HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (KHỞI ĐỘNG)

**a) Mục đích:** HS nhớ lại những kiến thức về sự phân bố của thành phần tự nhiên, cảnh quan tự nhiên trên Trái Đất.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi:

\* Câu hỏi: Hãy cho biết nhiệt độ thay đổi như thế nào khi đi từ Xích đạo về 2 cực, từ chân núi đến đỉnh núi? Sự thay đổi của nhiệt độ sẽ dẫn đến sự thay đổi của các thành phần tự nhiên nào? Ví dụ?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu câu hỏi, yêu cầu HS quan sát, trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

*Các thành phần tự nhiên và cảnh quan địa lí trên Trái Đất đều chịu tác động của những quy luật địa lí chung, bắt nguồn từ sự thay đổi góc chiếu sáng của Mặt Trời và tác động của các lực*

phát sinh trong lòng Trái Đất. Đó là những quy luật nào? Biểu hiện ra sao? Việc hiểu rõ bản chất của những quy luật đó giúp ích gì cho con người trong đời sống và hoạt động kinh tế?

## HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu quy luật địa đới

**a) Mục đích:** HS trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu về quy luật địa đới.

\* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin, hãy trình bày khái niệm, biểu hiện của quy luật địa đới?

\* Nhóm 2, 4: Đọc thông tin, hãy trình bày ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

#### 1. Quy luật địa đới

##### a) Khái niệm

- Là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và các cảnh quan theo vĩ độ (từ Xích đạo về cực).

- Dạng khối cầu của Trái Đất làm cho tia sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) giảm dần từ Xích đạo về hai cực, do đó lượng bức xạ mặt trời cũng giảm dần theo vĩ độ. Lượng bức xạ mặt trời là nguyên nhân, là động lực của các hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất. Vì thế, lượng bức xạ mặt trời gây ra tính địa đới của các thành phần tự nhiên.

##### b) Một số biểu hiện của quy luật

- Sự phân bố của các vòng đai nhiệt trên Trái Đất

+ Biểu hiện rõ rệt quá quy luật phân bố nhiệt theo địa đới là sự hình thành các vòng đai nhiệt trên Trái Đất.

+ Sự phân bố nhiệt trên bề mặt Trái Đất phụ thuộc chủ yếu vào bức xạ mặt trời.

+ Lượng bức xạ mặt trời được quy định bởi góc nhập xạ.

+ Góc nhập xạ giảm dần từ Xích đạo về hai cực.

⇒ Đó là nguyên nhân hình thành các vòng đai nhiệt. Gồm: vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.

- Sự phân bố các đai khí áp và các đới gió trên Trái Đất

+ Các đai khí áp cao và khí áp thấp phân bố xen kẽ, đối xứng qua đai khí áp thấp xích đạo.

+ Sự phân bố các đai khí áp cũng là nguyên nhân hình thành các đới gió chính trên Trái Đất.

- Các đới khí hậu trên Trái Đất

+ Tất cả các yếu tố khí hậu như nhiệt độ, khí áp, gió, mưa đều thể hiện rõ rệt sự phân bố theo quy luật địa đới (theo vĩ độ). ⇒ Đặc điểm quan trọng nhất trong sự phân bố khí hậu thể giới là sự phân hóa theo vĩ độ, theo đó hình thành nên 7 đới khí hậu từ Xích đạo về hai cực.

- Ngoài ra, biểu hiện của quy luật địa đới còn là sự hình thành các đới đất và các đới thực vật trên Trái Đất.

##### c) Ý nghĩa thực tiễn của quy luật

- Tính địa đới của thiên nhiên có tầm quan trọng đặc biệt đối với sản xuất và đời sống.

- Ví dụ: Miền nhiệt đới gió mùa có khí hậu nóng ẩm nên máy móc, thiết bị hay bị hoen rỉ. Tính chất nóng ẩm của miền nhiệt đới cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các loại bệnh nhiệt đới phát triển, ảnh hưởng tới sức khỏe của con người.

⇒ Cần phải nghiên cứu các biện pháp để thích ứng với điều kiện tự nhiên ở các đới thiên nhiên như nguyên tắc nhiệt đới hóa trong công nghiệp chế tạo máy móc,...

#### d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu quy luật phi địa đới**

**a) Mục đích:** HS trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, hoạt động theo nhóm để tìm hiểu quy luật địa đới.

\* Nhóm 1, 3: Đọc thông tin, hãy trình bày khái niệm, biểu hiện của quy luật phi địa đới?

\* Nhóm 2, 4: Đọc thông tin, hãy trình bày ý nghĩa thực tiễn của quy luật phi địa đới?

**c) Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

**2. Quy luật phi địa đới**

**a) Khái niệm**

- Là quy luật phân bố của các thành phần địa lí và các cảnh quan không phụ thuộc vào sự phân bố của bức xạ mặt trời (địa đới).
- Nguyên nhân: do sự phân chia bề mặt Trái Đất ra thành lục địa, đại dương và do độ cao địa hình dẫn đến sự phân bố nhiệt không đồng đều.

**b) Biểu hiện của quy luật**

- Biểu hiện rõ rệt nhất của quy luật này là sự phân hóa địa ô và sự hình thành các vành đai theo độ cao.
- Quy luật địa ô:
  - + Là sự phân hóa theo kinh độ của các thành phần tự nhiên tùy theo mức độ xa bờ đại dương tới trung tâm lục địa.
  - + Nguyên nhân: là do ảnh hưởng của biển không đồng nhất, càng vào sâu trong đất liền độ ẩm càng giảm kéo theo sự thay đổi các thành phần khác. Ngoài ra còn do ảnh hưởng của địa hình, các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.
  - + Biểu hiện rõ rệt nhất là sự thay đổi của các kiểu thảm thực vật theo kinh độ.
- Quy luật đai cao:
  - + Là sự thay đổi có quy luật của các thành phần tự nhiên và các cảnh quan theo độ cao của địa hình.
  - + Nguyên nhân: do sự giảm nhiệt độ theo độ cao cùng với sự thay đổi lượng mưa và độ ẩm kéo theo sự thay đổi của các thành phần khác.
  - + Biểu hiện của quy luật đai cao là sự phân bố các vành đai đất, thực vật theo độ cao.

**c) Ý nghĩa thực tiễn của quy luật**

- Các nhân tố phi địa đới không chỉ tác động tới sự phân bố nhiệt ẩm trên Trái Đất mà còn quyết định tới thành phần khoáng chất của đất, nước, các chất hữu cơ,...
- Tính phi địa đới còn làm cho các đới thiên nhiên đa dạng, phong phú tạo ra nhiều lợi thế để phát triển kinh tế-xã hội, đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp.
- Ví dụ: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ của nước ta do khí hậu có một mùa đông lạnh nên ngoài các cây trồng nhiệt đới còn phát triển cả các cây trồng cận nhiệt đới và ôn đới như: su hào, bắp cải, chè, hồi, lê, táo,...

*Em có biết: Thảm thực vật ở châu Á dọc vĩ tuyến 40°B từ ven biển vào sâu trong nội địa thay đổi từ rừng lá rộng ôn đới đến thảo nguyên và hoang mạc.*

*Trên các vùng núi cao ở miền Bắc nước ta thiên nhiên có sự phân bố thành các vành đai theo độ cao, cụ thể:*

- Dưới 600 m là đai nhiệt đới chân núi, có tổng nhiệt độ > 7500°C, đất phù sa và đất feralit, thực vật nhiệt đới và Xích đạo.

- Từ 600 m → 2600 m là đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi, có tổng nhiệt độ > 4500°C, đất xám mùn vàng đỏ, thực vật cận nhiệt đới và ôn đới.

- Trên 2600 m là đai ôn đới gió mùa trên núi, có tổng nhiệt độ < 4500°C, đất mùn thô trên núi cao, thực vật ôn đới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành các nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục đích:** Củng cố lại kiến thức, rèn luyện kỹ năng trong bài học.

**b) Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

- \* Câu hỏi: Nêu sự khác nhau về biểu hiện của quy luật địa đới và quy luật phi địa đới?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**Gợi ý:**

- \* Sự khác nhau cơ bản của quy luật địa đới và phi địa đới

- Quy luật địa đới: sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và các cảnh quan theo vĩ độ (từ Xích đạo về cực).

- Quy luật phi địa đới là quy luật phân bố của các thành phần địa lí và các cảnh quan không phụ thuộc vào sự phân bố của bức xạ mặt trời (địa đới) mà thay đổi theo kinh độ (từ tây sang đông) và theo độ cao.

- \* Biểu hiện của quy luật

- **Quy luật địa đới**

Sự phân bố các vòng đai nhiệt trên Trái Đất

| Các vòng đai      | Vị trí                             |                                  |
|-------------------|------------------------------------|----------------------------------|
|                   | Giữa các đường đẳng nhiệt          | Giữa các đường đẳng nhiệt        |
| Nóng              | 20°C của 2 bán cầu                 | 30°B đến 30°N                    |
| Ôn hòa            | 20°C và 10°C của tháng nóng nhất   | 30° đến 60° ở cả hai bán cầu     |
| Lạnh              | Giữa 10° và 0° của tháng nóng nhất | Ở vòng đai cận cực của 2 bán cầu |
| Băng giá vĩnh cửu | Nhiệt độ quanh năm dưới 0°C        | Bao quanh cực                    |

Các đai khí áp và các đới gió trên Trái Đất

+ Các đai khí áp: Gồm 7 khí áp (áp thấp xích đạo, 2 áp thấp ôn đới, 2 áp cao cận chí tuyến, 2 áp cao cực).

+ Các đới gió: Gồm 6 đới gió (2 Mậu dịch, 2 ôn đới, 2 đông cực).

Các đới khí hậu trên Trái Đất

+ Trên Trái Đất có 7 đới khí hậu xen kẽ nhau từ xích đạo về hai cực.

+ Các đới khí hậu chính trên Trái Đất: xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt, ôn đới, cận cực, cực.

Các nhóm đất và các kiểu thảm thực vật

+ Có 10 nhóm đất từ cực đến xích đạo.

+ Có 10 kiểu thảm thực vật từ cực đến xích đạo.

- **Quy luật phi địa đới**

+ Quy luật đai cao: Phân bố vành đai đất, thực vật theo độ cao địa hình.

+ Quy luật địa ô: Thay đổi các thành phần tự nhiên và cảnh quan theo kinh độ.

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

### **HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục đích:** Vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, vận dụng kiến thức, trả lời câu hỏi.

\* Câu hỏi: Hãy tìm hiểu thông tin để giải thích vì sao miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh?

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

#### **Gợi ý:**

Miền Bắc nước ta nằm trong vùng nhiệt đới nhưng lại có một mùa đông lạnh là do miền Bắc gần chí tuyến, chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa mùa đông (lạnh, khô đầu mùa; lạnh, ẩm giữa và cuối mùa). Mỗi đợt gió mùa mùa đông về làm cho nền nhiệt miền Bắc giảm mạnh rõ rệt, nhiều nơi có tuyết rơi hoặc băng giá (Mẫu Sơn, Sa Pa,...). Đặc biệt là khu vực Đông Bắc, nơi chịu ảnh hưởng của những đợt gió mùa Đông Bắc đầu tiên và cuối cùng trong năm.

#### **d) Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

#### **4. Củng cố, dặn dò:**

GV củng cố bài học bằng sơ đồ hóa kiến thức được chuẩn bị sẵn và trình chiếu, nhấn mạnh các nội dung trọng tâm của bài.

#### **5. Hướng dẫn về nhà:**

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK.
- Hoàn thành câu hỏi phần vận dụng.
- Chuẩn bị bài mới: Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số.

Nội dung:

- (1). Quy mô dân số.
- (2). Gia tăng dân số.
- (3). Cơ cấu dân số.